

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 709/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Bích Phượng

2. Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vũ Hằng N, sinh năm 1991

Địa chỉ: 25/12/3 LVT, phường 5, TP MT, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Lê Văn S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Có mặt chị N, vắng mặt anh S)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 09/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Hằng N trình bày: Chị và anh Lê Văn S tổ chức lễ cưới chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, anh S không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Vũ Bảo T, sinh ngày 04/9/2019 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Lê Văn S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh S, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn với anh S, giao con chung cho chị N nuôi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Vũ Hằng N và anh Lê Văn S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156/2018 ngày 17/12/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị N trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, anh S không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 và từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không liên lạc với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Anh S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi tòa án, chứng tỏ anh S không có thiện chí đoàn tụ với chị N, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Vũ Bảo T, sinh ngày 04/9/2019. Con hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con. Xét cháu T chưa đủ 03 tuổi và từ lúc chị N, anh S sống ly thân đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu cần để chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Do chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Hằng N

Về hôn nhân: Chị Vũ Hằng N được ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Vũ Bảo T, sinh ngày 04/9/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh S được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0004183 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị N đã nộp xong án phí.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà